TÍCH HỢP AI VÀO GIẢNG DẠY TIẾNG PHÁP TẠI ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

DƯƠNG THỊ THƯỢC
Khoa Ngoại ngữ, Đại học Bách khoa Hà Nội

Nhận bài ngày 02/11/2025. Sửa chữa xong 20/12/2025. Duyệt đăng 29/12/2025.

Abstract

This study examines the impact of artificial intelligence (AI) on French language learning among technical students at Hanoi University of Science and Technology, employing a mixed-methods approach that includes a survey of 82 students and pedagogical observations across four modules: basic French, presentation skills, DELF B1 preparation, and career orientation. Results show frequent AI use, offering personalized learning but risking cognitive dependency and ethical issues. The study proposes conscious AI integration, teacher training, and pedagogical designs to preserve students' critical thinking and autonomy.

Keywords: *AI, autonomy, critical pedagogy, digital tools, engineering students, French teaching, technology integration.*

1. Đặt vấn đề

Sự xuất hiện của các trí tuệ nhân tạo (AI) tạo sinh như ChatGPT, Copilot, Claude... đang thay đổi căn bản cách dạy và học trong giáo dục đại học. Các công cụ này hứa hẹn cá nhân hóa học tập, tăng cường khả năng tự học và cải thiện kỹ năng ngôn ngữ nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức. Holmes và các cộng sự [5, tr. 640] chỉ ra rằng: "*Trên toàn thế giới, hầu như chưa có nghiên cứu nào được thực hiện, chưa có hướng dẫn nào được đưa ra, chưa có chính sách nào được xây dựng và chưa có quy định nào được ban hành để giải quyết các vấn đề đạo đức cụ thể phát sinh do việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục*". Tại Đại học Bách khoa Hà Nội, sinh viên (SV) học Tiếng Pháp thường thuộc các khối ngành kỹ thuật, có khả năng tiếp cận công nghệ và sử dụng AI rất tốt nhưng thường tự phát, thiếu định hướng sư phạm rõ ràng. Do đó, câu hỏi nghiên cứu đặt ra là: *AI đang tái cấu trúc việc dạy và học Tiếng Pháp như thế nào, giữa các thách thức sư phạm, xu hướng ứng dụng mới và triển vọng phát triển?* Nghiên cứu này tập trung phân tích tác động của việc tích hợp AI vào các học phần (HP) Tiếng Pháp, xác định lợi ích và rủi ro, đồng thời đề xuất các giải pháp sư phạm hiệu quả và phù hợp với nhu cầu học tập của SV nhằm nâng cao tính ứng dụng trong bối cảnh giáo dục kỹ thuật số.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Trí tuệ nhân tạo trong bối cảnh giáo dục

Trí tuệ nhân tạo (AI), theo định nghĩa của Popenici và Kerr (2017) được trích bởi Crompton và Burke [2, tr. 2], "*Là các hệ thống máy tính có khả năng thực hiện các quá trình tương tự con người, như học tập, thích ứng, tổng hợp, tự hiệu chỉnh và sử dụng dữ liệu để xử lý những nhiệm vụ phức tạp*". Crompton và Burke [2, tr. 13] chỉ ra 5 lĩnh vực AI tác động mạnh: đánh giá-phản hồi, dự đoán học tập, trợ lý ảo, gia sư thông minh và quản lý học tập. Miao, F và cộng sự [6, tr. 18] cho rằng: "*Trí tuệ nhân tạo có thể hỗ trợ học tập suốt đời, cải thiện khả năng tiếp cận giáo dục và thúc đẩy công bằng bằng cách đáp ứng nhu cầu cá nhân của từng người học*". Tuy nhiên, Smith và cộng sự [7, tr. 3] nhấn mạnh cần tận dụng AI "*một cách có cơ sở bằng chứng, lý thuyết và thiết kế vững chắc*". Chỉ khi đó, công nghệ mới có thể hỗ trợ hiệu quả các cơ sở giáo dục trong việc đào tạo ra những SV tốt nghiệp có kỹ năng linh hoạt, chủ động và sáng tạo. Điều quan

Email: thuoc.duongthi@hust.edu.vn

trọng là phải hiểu cách tiếp cận của các bên liên quan với những chuyển đổi này và những trở ngại cả về mặt kỹ thuật lẫn sư phạm mà họ phải đối mặt.

2.2. Khung lý thuyết nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng ba lý thuyết học tập để làm rõ vai trò của AI trong giảng dạy ngôn ngữ: *Lý thuyết kiến tạo xã hội (Vygotsky)* [9, tr. 78]: được sử dụng để phân tích vai trò hỗ trợ (scaffolding) của AI và đánh giá xem AI có thực sự hỗ trợ quá trình xây dựng tri thức chủ động hay chỉ thay thế nỗ lực nhận thức của SV. *Lý thuyết tự quyết (Deci & Ryan)* [3, tr. 1941]: được áp dụng để giải thích mối liên hệ giữa việc sử dụng AI và động lực học tập, đặc biệt là sự cân bằng giữa hỗ trợ và tự chủ. *Sư phạm phê phán (Freire)* [4, tr. 374-386]: được dùng để đánh giá mức độ phát triển ý thức phê phán của SV khi tương tác với AI, từ đó đề xuất các thiết kế sư phạm khuyến khích tư duy phản biện.

3. Bối cảnh giảng dạy Tiếng Pháp tại Đại học Bách khoa Hà Nội

3.1. Hồ sơ sinh viên và đặc thù cơ sở đào tạo

Sinh viên kỹ thuật học Tiếng Pháp tại Đại học Bách khoa Hà Nội có trình độ A1-B2 (CECRL) và kỹ năng số tốt". Mục tiêu giảng dạy Tiếng Pháp cho các SV này không chỉ là phát triển năng lực giao tiếp ngôn ngữ và đạt chứng chỉ ngoại ngữ mà còn hướng tới sử dụng ngôn ngữ trong các bối cảnh học thuật (thuyết trình, viết báo cáo) và chuyên môn (phỏng vấn tuyển dụng, viết hồ sơ học bổng, hồ sơ nghề nghiệp). Việc học Tiếng Pháp vừa phải đảm bảo trình độ giao tiếp đa ngôn ngữ, vừa phải đáp ứng các yêu cầu chuyên môn kỹ thuật để tăng tính ứng dụng thực tiễn.

3.2. Tổ chức và mục tiêu của các học phần Tiếng Pháp

Chương trình Tiếng Pháp tại Đại học Bách khoa Hà Nội được thiết kế theo lộ trình tiến bộ, với các HP có mục tiêu và nội dung liên kết chặt chẽ. HP Tiếng Pháp cơ bản (A1-B2) phát triển bốn kỹ năng giao tiếp qua các chủ đề quen thuộc, đặt nền tảng cho HP sau này. HP luyện thi DELF B1 giúp SV làm quen với định dạng bài thi và luyện tập bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc và viết; thực hành các nhiệm vụ với nội dung và thời gian phù hợp với tiêu chí đánh giá nhằm thi được chứng chỉ ngôn ngữ quốc tế. HP thuyết trình chuyên ngành dành cho SV trình độ từ B1, hỗ trợ trình bày các dự án kỹ thuật thuộc chuyên ngành học, giúp SV sử dụng từ vựng kỹ thuật chính xác, triển khai cấu trúc diễn ngôn hợp lý và tăng cường sự tự tin trong các tình huống thuyết trình chuyên môn khác nhau. HP Hội nhập nghề nghiệp trang bị kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng mềm cần thiết trong thị trường lao động. Các hoạt động chính bao gồm xây dựng dự án nghề nghiệp cá nhân, viết CV và thư xin việc bằng tiếng Pháp, chuẩn bị và thực hiện phỏng vấn tuyển dụng qua mô phỏng và đóng vai.

3.3. Các vấn đề sư phạm và thách thức gặp phải

Trong bối cảnh tiếng Anh và tiếng Việt là ngôn ngữ giảng dạy chủ đạo, tiếng Pháp thường được xem như ngôn ngữ thứ hai hoặc thứ ba, điều này đã dẫn đến nhiều thách thức sư phạm. Đầu tiên là trình độ tiếng Pháp giữa các SV trong cùng một HP không đồng đều, đa số SV ở mức A1, A2 và chỉ một số đạt B1, B2. Tiếp đó là môi trường sử dụng tiếng Pháp ngoài lớp học còn hạn chế, SV thiếu cơ hội thực hành. Điều đó dẫn đến xu hướng sử dụng công nghệ để bù đắp thiếu hụt về từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng diễn đạt. Ngoài ra, yêu cầu chuẩn đầu ra cần ít nhất là bằng quốc tế DELF B1 nhưng động lực học tập của SV lại tùy biến, phụ thuộc vào mục tiêu cá nhân và hồ sơ đầu vào. Hơn thế nữa, thời lượng học kỹ thuật lớn, chiếm đa số thời gian của SV, hạn chế việc học ngôn ngữ. Trước những thách thức này, GV cần cải tiến phương pháp sư phạm để phù hợp với hồ sơ học tập, mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ đa dạng và định hướng nghề nghiệp của họ. Bên cạnh đó, những thách thức mà AI đặt ra cũng không hề nhỏ. Smith, E. và các cộng sự [7, tr. 3] nêu rõ: "*Tính chuyên nghiệp trong giảng dạy đặt ra những thách thức cho các nhà giáo dục và những thách thức này càng lớn hơn khi nó chuyển sang không gian mạng, nơi SV là những người bản xứ kỹ thuật số và giáo viên (GV) nói chung là những người nhập cư kỹ thuật số*". Anctil D. [1, tr. 71] chỉ ra rằng "*Nhiều SV đã sử dụng các công cụ AI khác nhau để tạo ra bài làm hoặc cải thiện thành tích học tập của mình mà không hề bị trừng phạt trong nhiều năm*". Thực tế cho thấy

SV có khả năng công nghệ cao hơn GV và có thể sử dụng vào việc gian lận trong đánh giá. Tất cả những thách thức trên đòi hỏi một khung tích hợp AI vào dạy và học rõ ràng, đáp ứng nhu cầu học tập mới và phát triển các mô hình giảng dạy và đánh giá linh hoạt hơn. Theo Anctil D. [1, tr. 72] khung đánh giá sẽ gồm *phương pháp tiếp cận vòng ngoài*: kiểm soát đánh giá trong lớp học và *phương pháp tiếp cận tích hợp*: đào tạo GV nhằm tích hợp AI có đạo đức vào giảng dạy.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Mục tiêu nghiên cứu và phương pháp thu thập dữ liệu

Nghiên cứu phân tích tác động của AI trong việc dạy-học Tiếng Pháp: cách thức sử dụng, những tác động đến kỹ năng và động lực, những khó khăn-kỳ vọng của SV và chiến lược sư phạm của GV. Nghiên cứu mang tính kết hợp, gắn kết thực tiễn sư phạm, công nghệ, ngôn ngữ và yêu cầu nghề nghiệp trong bối cảnh đào tạo kỹ thuật nhằm cung cấp cơ sở cho các ứng dụng giáo dục bền vững. Dữ liệu được thu thập thông qua hai phương pháp chính: 1) Một bảng điều tra gồm 26 câu hỏi (19 câu đóng và 7 câu mở) được thiết kế để thu thập dữ liệu định lượng và định tính. Các câu hỏi tập trung vào hồ sơ SV (chuyên ngành, trình độ, kinh nghiệm học và thi), thói quen sử dụng AI (tần suất, mục đích, công cụ, bối cảnh), nhận thức về ảnh hưởng của AI đối với kỹ năng ngôn ngữ và kỳ vọng về tích hợp sư phạm các công cụ này. Bảng câu hỏi được gửi tới SV qua Google Forms và bản giấy, với 82 SV tham gia, gồm 54 SV ngành Công nghệ thông tin và 28 SV ngành Hàng không. Mẫu được chọn đảm bảo đại diện cho các trình độ và HP; 2) Chúng tôi tiến hành quan sát sư phạm trong 16 buổi học, với mỗi HP tiếng Pháp cơ bản, thuyết trình, DELF B1, hội nhập nghề nghiệp được quan sát bốn buổi. Lưới mô tả có cấu trúc được sử dụng để ghi nhận hành vi sử dụng AI, vai trò của GV và mức độ tương tác xung quanh sản phẩm do AI tạo ra. Sau quan sát, 18 SV được phỏng vấn không chính thức để làm rõ quan điểm và thực hành, với thời lượng trung bình 10-15 phút mỗi cuộc. Mẫu phỏng vấn được chọn có chủ đích để đảm bảo đa dạng về ngành học, trình độ tiếng Pháp và tần suất sử dụng AI. Nghiên cứu tuân thủ các nguyên tắc đạo đức: SV tham gia tự nguyện, được thông báo về mục đích nghiên cứu và quyền không tham gia.

4.2. Phân tích dữ liệu

Dữ liệu định lượng được xử lý bằng phần mềm Excel, sử dụng thống kê mô tả để phân tích tần suất sử dụng AI, trung bình mức độ hữu ích cảm nhận được và độ lệch chuẩn của các phản hồi. Dữ liệu định tính từ câu trả lời mở (7 câu hỏi) và phỏng vấn bán cấu trúc (18 SV) được phân tích theo phương pháp phân tích chủ đề (thematic analysis). Quy trình gồm: 1) Làm quen với dữ liệu; 2) Mã hóa ban đầu với các mã mô tả; 3) Nhóm mã thành chủ đề dựa trên khung lý thuyết học tập; 4) Xem xét và tinh chỉnh chủ đề; 5) Định nghĩa chủ đề với trích dẫn minh họa. Ví dụ, chủ đề "suy giảm nỗ lực nhận thức" được hình thành từ các mã "phụ thuộc sửa lỗi", "không tự viết được", "quên từ vựng". Phần mềm Excel được sử dụng để quản lý mã hóa.

4.3. Giới hạn nghiên cứu

Nghiên cứu này có một số giới hạn cần được xem xét khi diễn giải kết quả: Về quy mô mẫu: Với 82 SV tham gia khảo sát, mẫu nghiên cứu tương đối nhỏ và chỉ giới hạn ở SV kỹ thuật nên khả năng tổng quát hóa kết quả sang các bối cảnh khác, ngành học khác không thuộc khối kỹ thuật cần được thận trọng. Về thời gian quan sát: Quan sát sư phạm trong 16 buổi ở hai học kỳ chỉ cho phép ghi nhận việc sử dụng AI tại một số thời điểm nhất định, chưa thể tổng quát hóa và theo dõi tác động dài hạn. Về phương pháp thu thập dữ liệu: Dữ liệu chủ yếu dựa trên bảng khảo sát và phỏng vấn, có thể chịu ảnh hưởng của xu hướng mong muốn được đánh giá tích cực hoặc khả năng nhớ lại không chính xác. Về thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mang tính mô tả và khám phá, không áp dụng thiết kế thực nghiệm có nhóm đối chứng nên các mối liên hệ được báo cáo giữa việc sử dụng AI và kết quả học tập phản ánh tương quan chứ không thể xác định nguyên nhân, kết quả một cách chắc chắn. Các yếu tố khác như động lực cá nhân, nền tảng ngôn ngữ trước đó hoặc phong cách học tập cũng có thể ảnh hưởng đến kết quả. Về bối cảnh văn hóa và thể chế: Nghiên cứu được thực hiện tại Đại học Bách khoa Hà Nội, nơi SV có trình độ kỹ thuật số cao và tiếp cận AI dễ dàng. Kết quả có thể khác ở các bối cảnh có điều kiện công nghệ hạn chế hơn hoặc văn hóa học tập khác biệt. Những giới hạn này gợi ý hướng nghiên cứu

tiếp theo cần mở rộng quy mô mẫu, kéo dài thời gian quan sát, áp dụng thiết kế thực nghiệm và so sánh giữa các bối cảnh giáo dục khác nhau.

5. Kết quả và thảo luận

5.1. Hồ sơ người tham gia

Mẫu khảo sát trên 82 SV, với 66% thuộc ngành Công nghệ thông tin và 34% thuộc ngành Kỹ thuật hàng không năm học 2024-2025 và học kỳ 1 năm học 2025-2026, chủ yếu là SV các năm thứ 2, thứ 3, thứ 4. Về trình độ tiếng Pháp, 79% SV tự đánh giá ở mức A1, A2 hoặc B1, trong khi 21% đã tham gia kỳ thi DELF B1 hoặc sở hữu chứng chỉ tương đương. Hơn 50% SV thừa nhận có kiến thức thực hành tiếng Pháp hạn chế, đặc biệt về từ vựng và ngữ pháp, thường sử dụng AI để bù đắp các hạn chế này. Hồ sơ này cho thấy SV có trình độ tiếng Pháp A1, A2-B1 và mức độ thành thạo đáng kể về công nghệ số, phù hợp với bối cảnh đào tạo kỹ thuật của họ.

5.2. Thực trạng sử dụng AI trong việc học Tiếng Pháp

"Kết quả khảo sát cho thấy đa số SV sử dụng các công cụ AI trong học Tiếng Pháp với các mức độ khác nhau: 57% sử dụng thường xuyên (CNTT: 60%, Hàng không: 54%), 35% sử dụng thỉnh thoảng và chỉ 8% hiếm khi hoặc không bao giờ sử dụng. Nghiên cứu cho thấy SV CNTT sử dụng AI thường xuyên (60%) hơn SV hàng không (54%). Các công cụ phổ biến nhất bao gồm ChatGPT và các AI tạo sinh khác (71%) được sử dụng để tạo văn bản mới hoặc diễn đạt lại ý tưởng; DeepL và Google Translate (64%) chủ yếu để dịch thuật; LanguageTool hoặc Grammarly (38%) để kiểm tra chính tả và ngữ pháp. Các hoạt động học tập áp dụng AI nhiều nhất là viết luận (tiếng Pháp cơ bản) và văn bản học thuật (CV, thư xin việc...) (68%), diễn đạt lại nội dung từ tiếng mẹ đẻ sang tiếng Pháp để làm giàu vốn từ vựng (55%) và chuẩn bị cho các bài nói (54 %), đặc biệt là thuyết trình chuyên ngành và mô phỏng phỏng vấn. Đáng chú ý, 62% SV sử dụng AI trong các hoạt động học tập tự chủ ngoài lớp học, trong khi 21% thừa nhận đã sử dụng AI cho các bài tập có tính đánh giá mà không báo trước với GV. Phát hiện này làm nổi bật khoảng cách giữa thực hành thực tế của SV và khung sư phạm hiện tại, vốn chưa bắt kịp sự chuyển dịch công nghệ trong môi trường học tập đại học.

5.3. Nhận thức của sinh viên về tác động của AI

Khi được hỏi về mức độ hữu ích của AI, 79% SV đánh giá các công cụ này là "rất hữu ích" hoặc "hữu ích" đối với việc học Tiếng Pháp. Những lợi ích được SV nhắc đến chủ yếu mang tính thực dụng và ngắn hạn, tập trung vào hỗ trợ hoàn thành nhiệm vụ học tập như làm bài tập được giao (76%), cải thiện kỹ năng viết (71%), tìm kiếm và hiểu từ vựng (60%) và diễn đạt lại nội dung theo phong cách tự nhiên hơn (53%). Điều này cho thấy nhận thức của SV về AI trước hết được định hình như một công cụ hỗ trợ hiệu suất, hơn là một phương tiện phát triển năng lực ngôn ngữ dài hạn. Tuy nhiên, song song với những đánh giá tích cực, 47% SV bày tỏ lo ngại về hiện tượng suy giảm nỗ lực nhận thức. SV thừa nhận: "Dùng ChatGPT tiện nhưng sau không viết được câu đúng ngữ pháp" và "vì bận nên dùng AI nhưng sau quên từ luôn" cho thấy SV đã cảm nhận được hậu quả học tập do sử dụng thiếu trách nhiệm AI.

Phân tích định tính từ câu trả lời mở và phỏng vấn cho phép xác định ba rủi ro nổi bật: phụ thuộc công cụ (62%), giảm khả năng sáng tạo (61%) và suy giảm động lực học (67%). Ngoài ra, 37 SV (45%) đề cập đến các vấn đề khác như mất phương hướng trong học tập, giảm tương tác trực tiếp với giảng viên hoặc bạn học, sử dụng AI mang tính đối phó với yêu cầu môn học hoặc dành thời gian trên lớp cho các hoạt động không liên quan. Đáng chú ý, mặc dù nhiều SV đã nhận diện được những rủi ro tiềm ẩn, nhận thức này vẫn mang tính trực giác và phân mảnh, chưa phát triển thành một ý thức siêu nhận thức về cách AI ảnh hưởng đến quá trình học ngôn ngữ. Tổng cộng, 66% SV lo ngại rằng việc sử dụng AI có thể tác động tiêu cực đến khả năng ghi nhớ kiến thức và phản xạ ngôn ngữ trong dài hạn nhưng phần lớn chưa có chiến lược rõ ràng để điều chỉnh hành vi học tập của mình. Phát hiện này cho thấy khoảng cách giữa việc sử dụng AI một cách thành thạo về mặt kỹ thuật và sử dụng AI một cách có ý thức sư phạm, qua đó nhấn mạnh vai trò then chốt của GV trong việc định hướng, dẫn dắt và phát triển tư duy phản biện của người học đối với các công cụ AI.

5.4. Thảo luận các phát hiện

Hiện tượng suy giảm nỗ lực nhận thức được ghi nhận trong nghiên cứu có liên quan đến thuyết tải nhận thức của Sweller [8, tr. 257-285]: AI giảm tải nhận thức thông qua phản hồi tức thì và hỗ trợ sửa lỗi nhưng có thể suy yếu tải sinh lợi, cần thiết cho xử lý sâu. SV cảm nhận được sự tiện lợi trong ngắn hạn nhưng gặp khó khăn trong ghi nhớ và tự vận dụng kiến thức về lâu dài

Phát hiện cũng phù hợp lý thuyết tự quyết của Deci & Ryan [3, tr. 1941]: Phụ thuộc AI làm suy giảm cảm giác tự chủ, làm giảm động lực nội tại. Tuy nhiên, việc nhiều SV sớm nhận diện được các rủi ro của AI cho thấy một ý thức ban đầu về hệ quả học tập. Chúng tôi giả thuyết rằng việc nhận diện sớm rủi do của SV là do ảnh hưởng bởi bối cảnh đào tạo kỹ thuật, nơi tư duy phản biện và đánh giá công nghệ là một phần của quá trình học tập. Tuy nhiên đây chưa thể xem là khẳng định và cần có nghiên cứu so sánh với SV ngành khác để xác nhận giả thuyết này. Sự khác biệt trong cách sử dụng AI giữa SV ngành CNTT và ngành Hàng không cho thấy tác động của AI không mang tính đồng nhất mà phụ thuộc vào mục tiêu ngôn ngữ và yêu cầu chuyên ngành. SV CNTT sử dụng AI nhiều hơn cho kỹ năng viết, trong khi SV ngành Hàng không ưu tiên kỹ năng nói, đặc biệt trong các tình huống thuyết trình và phỏng vấn. Phát hiện này gợi ý rằng việc tích hợp AI vào giảng dạy Tiếng Pháp cần được thiết kế linh hoạt theo đặc thù ngành học nhằm tận dụng lợi ích của AI mà không làm suy giảm nỗ lực nhận thức và động lực học tập của người học.

Tổng hợp các kết quả cho thấy AI vừa đóng vai trò là công cụ hỗ trợ mạnh mẽ, vừa đặt ra những thách thức sư phạm đáng kể liên quan đến động lực, tự chủ và chiều sâu nhận thức của người học. Những mâu thuẫn này nhấn mạnh nhu cầu xây dựng các thiết kế sư phạm có kiểm soát, trong đó AI được sử dụng như một phương tiện hỗ trợ quá trình học tập có ý thức, thay vì thay thế nỗ lực nhận thức của SV. Đây chính là cơ sở để đề xuất các mô hình tích hợp AI có định hướng sư phạm rõ ràng trong các HP Tiếng Pháp dành cho SV kỹ thuật.

Lý thuyết sư phạm phê phán của Freire [4, tr. 374-386] nhấn mạnh việc người học cần phát triển ý thức phê phán để không tiếp nhận tri thức một cách thụ động. Trong bối cảnh sử dụng AI, nguyên tắc này đặc biệt quan trọng vì AI có xu hướng cung cấp câu trả lời "sẵn có" mà không yêu cầu người học phải chất vấn, phân tích hoặc định vị tri thức trong bối cảnh rộng hơn. Kết quả nghiên cứu cho thấy khi sử dụng AI không có sự giám sát hoặc hướng dẫn, SV có xu hướng chấp nhận sản phẩm AI một cách thụ động. 21% SV thừa nhận đã sử dụng AI cho bài tập đánh giá mà không báo với GV, "copy kết quả luôn" hoặc "chỉ sửa một chút" mà không kiểm tra tính chính xác về ngữ pháp, ngữ nghĩa hoặc phù hợp văn hóa. Hiện tượng này phản ánh mô hình "giáo dục ngân hàng" (banking education) mà Freire phê phán, trong đó người học trở thành "bình chứa" nhận kiến thức thụ động thay vì chủ thể tích cực trong quá trình xây dựng tri thức. Ngược lại, trong các HP tích hợp AI có định hướng, SV được yêu cầu so sánh sản phẩm AI với sản phẩm cá nhân, phân tích điểm mạnh/yếu, và thảo luận về giới hạn của công cụ. Các hoạt động này khuyến khích ý thức phê phán, giúp SV nhận ra AI không phải là nguồn tri thức tuyệt đối mà là công cụ cần được đánh giá và điều chỉnh. Ví dụ, SV nhận xét "ChatGPT viết hay nhưng ngôn ngữ đôi khi không phù hợp tình huống giao tiếp" hoặc "AI dùng từ quá trang trọng, không tự nhiên với bối cảnh email bạn bè" những phát biểu này cho thấy SV đang phát triển khả năng chất vấn và đánh giá phê phán. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng việc phát triển ý thức phê phán này vẫn ở giai đoạn sơ khai và phụ thuộc nhiều vào sự can thiệp của GV. Chỉ 34% SV cho biết thường xuyên kiểm tra và điều chỉnh nội dung do AI tạo ra trước khi sử dụng, trong khi đa số còn lại vẫn tin tưởng và chấp nhận một cách vô điều kiện. Điều này nhấn mạnh vai trò thiết yếu của GV trong việc thiết kế các hoạt động học tập thúc đẩy tư duy phê phán, giúp SV nhận thức được vị trí, giới hạn và điều kiện sử dụng AI trong học tập.

5.5. Ứng dụng AI trong các khóa học Tiếng Pháp

Khảo sát và phỏng vấn cho thấy, AI đã trở thành công cụ quen thuộc, tiết kiệm thời gian và nâng cao hiệu quả. Tuy nhiên, việc sử dụng phong phú nhưng thiếu khung sư phạm rõ ràng đôi khi dẫn đến lạm dụng, đặc biệt trong đánh giá chất lượng ngôn ngữ và mức độ nỗ lực cá nhân. Trong một số HP Tiếng Pháp, chúng tôi

đã chủ động thử nghiệm việc tích hợp AI có định hướng nhằm đáp ứng nhu cầu học tập thực tế của SV và khuyến khích tư duy phản biện. Cách tiếp cận này phù hợp với quan điểm của Anctil [1, tr. 72], theo đó việc thiết kế nội dung và hình thức đánh giá cần hướng tới sử dụng công cụ một cách có trách nhiệm, có kiểm soát và gắn với mục tiêu phát triển năng lực. Mô hình tích hợp AI vào các HP Tiếng Pháp được thiết kế theo năm bước tuần tự, với vai trò và mức độ can thiệp khác nhau của GV tại mỗi giai đoạn.

Bước 1 - Chuẩn bị và hướng dẫn ban đầu: GV đóng vai trò định hướng bằng cách giới thiệu các công cụ AI phù hợp với từng loại nhiệm vụ học tập, thiết lập các quy tắc sử dụng rõ ràng về đạo đức học thuật, và xác định ranh giới giữa hỗ trợ hợp lệ và gian lận học thuật. SV làm quen với các công cụ AI khác nhau như ChatGPT, Claude, DeepL, Grammarly và hiểu được mục đích sử dụng của từng công cụ.

Bước 2 - Sử dụng AI có hướng dẫn: SV bắt đầu làm việc độc lập với sự giám sát của GV. Họ sử dụng AI tạo sinh để xây dựng dàn ý, tạo nội dung thô hoặc tìm kiếm từ vựng chuyên ngành. Các công cụ dịch thuật được sử dụng để hỗ trợ diễn đạt từ tiếng mẹ đẻ sang tiếng Pháp. SV cũng áp dụng các công cụ kiểm tra ngữ pháp và chính tả để tự sửa lỗi ban đầu. GV theo dõi quá trình này và đưa ra các câu hỏi dẫn dắt để SV không phụ thuộc hoàn toàn vào AI.

Bước 3 - So sánh và phân tích phản biện: Đây là giai đoạn phát triển tư duy phản biện. SV được yêu cầu tạo ra hai phiên bản của cùng một sản phẩm: một phiên bản do chính mình tạo ra với nỗ lực cá nhân và một phiên bản được hỗ trợ hoặc tạo ra hoàn toàn bởi AI. Sau đó, thông qua hoạt động thảo luận nhóm, SV so sánh hai phiên bản để xác định điểm mạnh, điểm yếu về mặt ngữ pháp, từ vựng, phong cách và tính phù hợp văn hóa. GV tổ chức các hoạt động phân tích tập thể, đặt câu hỏi mở để SV nhận diện giới hạn của AI, chẳng hạn như việc sử dụng ngôn ngữ quá trang trọng, thiếu tính tự nhiên hoặc không phù hợp với bối cảnh giao tiếp cụ thể.

Bước 4 - Điều chỉnh và cá nhân hóa: Dựa trên những phân tích ở bước trước, SV tiến hành điều chỉnh sản phẩm của mình bằng cách kết hợp những ưu điểm của AI với sự sáng tạo và kinh nghiệm cá nhân. Họ bổ sung các ví dụ thực tế từ chuyên ngành học, điều chỉnh phong cách ngôn ngữ cho phù hợp với mục đích giao tiếp, và đảm bảo tính xác thực của sản phẩm cuối cùng. GV cung cấp phản hồi cá nhân hóa, tập trung vào việc phát triển năng lực ngôn ngữ thực sự của SV hơn là chỉ cải thiện sản phẩm bề mặt.

Bước 5 - Đánh giá và phản biện tập thể: Giai đoạn cuối này nhằm củng cố học tập và phát triển ý thức phê phán dài hạn. SV trình bày sản phẩm cuối cùng trước lớp và tham gia vào các hoạt động tự đánh giá cũng như đánh giá đồng đẳng. Các cuộc thảo luận tập thể được tổ chức xoay quanh vai trò, lợi ích và giới hạn của AI trong học tập ngôn ngữ. SV chia sẻ kinh nghiệm về cách họ sử dụng AI, những thách thức gặp phải và chiến lược khắc phục. GV đóng vai trò điều phối viên, tổng hợp các điểm học tập quan trọng, nhấn mạnh tầm quan trọng của nỗ lực cá nhân và tư duy phản biện, đồng thời đánh giá năng lực ngôn ngữ thực sự của SV thông qua việc phân biệt rõ ràng giữa phần do SV tự tạo ra và phần được AI hỗ trợ.

Mô hình 5 bước này phản ánh một quá trình sư phạm tuần tự, trong đó vai trò của GV chuyển từ người hướng dẫn kỹ thuật sang người trung gian phê phán và SV phát triển dần từ người sử dụng công cụ thụ động sang người học tập tự chủ có khả năng đánh giá và điều chỉnh việc sử dụng AI một cách có trách nhiệm.

Ví dụ, trong học phần Luyện thi DELF B1 (n=33 SV): AI được tích hợp chủ yếu ở giai đoạn luyện tập, đặc biệt trong việc viết các văn bản theo định dạng đề thi (thư hành chính, bài báo, bài luận…) và luyện nói thông qua mô phỏng câu hỏi phỏng vấn. SV được yêu cầu so sánh sản phẩm do AI gợi ý với sản phẩm tự viết dựa theo lưới đánh giá DELF B1 mới, từ đó phân tích điểm mạnh và điểm yếu về ngôn ngữ, hình thức bài viết, các lập luận và các ví dụ minh họa. Hoạt động này góp phần nâng cao nhận thức về lỗi : số lượng lỗi ngữ pháp tự phát hiện được tăng từ 31% lên 52%, và khả năng tự sửa lỗi cải thiện tăng 21%. Học phần Hội nhập nghề nghiệp (n=24 SV): Việc ứng dụng AI mang tính thực tiễn cao, tập trung vào các nhiệm vụ chuẩn bị hồ sơ nghề nghiệp như xây dựng sơ yếu lý lịch chuẩn Pháp, thư động lực và mô phỏng phỏng vấn tuyển dụng. SV so sánh sản phẩm do AI tạo với bài tự viết, nhận diện được sự khác biệt về cách trình bày bố cục các phần trong nội dung, thành tích, kỹ năng chuyên môn… (AI thường dùng động từ mạnh hơn, cấu trúc ngắn gọn hơn) và điều chỉnh cho phù hợp với phong cách

cá nhân. Kết quả khảo sát cho thấy 91% SV đánh giá hoạt động này hữu ích cho việc chuẩn bị xin việc thực tế và 78% SV cảm thấy tự tin hơn khi giới thiệu năng lực bằng tiếng Pháp.

5.6. Các tác động sư phạm quan sát được

Tích hợp AI có kiểm soát mang lại tác động tích cực ở nhiều cấp độ. Dữ liệu cho thấy mối tương quan giữa việc sử dụng AI có định hướng và động lực học tập (tăng 25% trong khảo sát sau can thiệp). Tuy nhiên, nhiều yếu tố khác như hướng dẫn của GV, tính thực tiễn nhiệm vụ và động lực cá nhân cũng có thể đóng vai trò, tác động chỉ bền vững khi AI là công cụ hỗ trợ, không thay thế nỗ lực cá nhân.

Chất lượng sản phẩm ngôn ngữ được cải thiện với cấu trúc rõ ràng, vốn từ phong phú và độ chính xác cao hơn. Khi có giám sát GV, 27% SV ít tham gia đã chuyển sang tích cực hơn trong xây dựng ý tưởng, tự điều chỉnh và tự sửa lỗi, làm việc cá nhân và nhóm, yếu tố cốt lõi trong học ngoại ngữ.

Ở cấp độ giảng dạy, AI giúp giảm tải việc hỗ trợ kỹ thuật, cho phép GV tập trung hơn vào các phản hồi mang tính chiến lược và cá nhân hóa. Tuy nhiên, trong các tình huống đánh giá chính thức như thi học kỳ, việc phân biệt sản phẩm AI và năng lực ngôn ngữ thực sự của SV vẫn đặt ra thách thức đáng kể, đòi hỏi phải có chính sách tập huấn và công cụ đánh giá phù hợp cho GV. Ngoài ra, nghiên cứu cũng làm nổi bật một số giới hạn sư phạm như nguy cơ bất bình đẳng số do khả năng tiếp cận các công cụ AI trả phí, các tác động tiêu cực tiềm ẩn của việc tiếp xúc công nghệ quá mức. Những phát hiện này cho thấy AI không phải là giải pháp tự thân mà cần được tích hợp trong một khung sư phạm cân bằng, đặt con người và tương tác học tập vào trung tâm.

6. Hướng tới việc tích hợp có suy nghĩ AI vào lớp học Tiếng Pháp

6.1. Xác định lại vai trò của giáo viên

Vai trò của GV cần được tái định nghĩa để đáp ứng những thay đổi trong môi trường học tập kỹ thuật số. Từ người truyền đạt tri thức, GV trở thành người trung gian kỹ thuật số, hướng dẫn SV sử dụng AI một cách có chiến lược và phản biện, thiết kế các hoạt động học tập khuyến khích tương tác và so sánh phân tích, nhận diện điểm mạnh, điểm yếu và hướng dẫn SV về đạo đức học thuật, nâng cao nhận thức về trách nhiệm cá nhân, tính xác thực của sản phẩm và đạo đức số. Sự chuyển đổi này đòi hỏi cơ sở giáo dục phải tổ chức đào tạo liên tục cho GV về công nghệ và phương pháp sư phạm tích hợp, giúp họ giữ vai trò dẫn dắt trong môi trường giáo dục chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ AI, đồng thời hợp tác với các bộ phận công nghệ để phát triển khung hướng dẫn chung.

6.2. Xem xét lại các thiết kế sư phạm

Tích hợp AI hiệu quả đòi hỏi tái cấu trúc giảng dạy: Thiết kế các hoạt động học tập kết hợp linh hoạt hành động con người và hỗ trợ số. Ví dụ, trong học phần DELF B1, SV viết bài bằng năng lực cá nhân sau đó sử dụng ChatGPT để tạo bài viết mẫu (thư ý kiến) và thảo luận nhóm để phân tích lỗi ngữ nghĩa, phong cách hoặc văn hóa. Hoạt động này giúp SV cải thiện kỹ năng viết và nhận thức về giới hạn của AI. Trong HP Hội nhập nghề nghiệp, SV luyện phỏng vấn với công cụ AI, sau đó thực hành trực tiếp với GV hoặc bạn học, kết hợp phản hồi tập thể để cải thiện khả năng biểu đạt cá nhân và giảm tính khuôn mẫu. Đối với HP thuyết trình, SV sử dụng AI tạo sinh để tạo dàn ý, sau đó điều chỉnh và bổ sung ví dụ thực tế, với sự hướng dẫn của GV để cá nhân hóa nội dung và nâng cao chất lượng diễn ngôn. Những thiết kế này nuôi dưỡng tính tự chủ có định hướng, đồng thời tăng cường năng lực phân tích và đánh giá ngôn ngữ.

6.3. Một phương pháp sư phạm có hỗ trợ công nghệ nhưng cơ bản vẫn là con người

AI chỉ phát huy tác dụng tích cực khi được tích hợp vào phương pháp sư phạm tích cực của người thầy. GV giữ vai trò trung tâm trong thiết kế sư phạm, hướng dẫn, phản hồi và đánh giá phản biện, trong khi SV được khuyến khích phát triển tính tự chủ, tư duy phản biện và năng lực điều chỉnh hành vi học tập. Công nghệ đóng vai trò mở rộng năng lực, không thay thế nỗ lực cá nhân và tương tác giữa người với người. Một phương pháp sư phạm hỗn hợp, kết hợp linh hoạt giữa công nghệ và nhà giáo sẽ giúp họ thích ứng với bối cảnh văn hóa, mục tiêu đào tạo và đặc điểm người học, đồng thời giảm rủi ro mệt mỏi kỹ thuật số cho người học.

Xem tiếp trang 198